

Số: 5523/QĐ-UBND

Quận 8, ngày 14 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH**Điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 06 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 62/2024/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ và điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành quy định về chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 5758/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở khu phố, ấp;

người trực tiếp tham gia hoạt động ở khu phố, ấp và mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, mức kinh phí hoạt động của khu phố, ấp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố về thành lập, chia tách, sáp nhập, đổi tên khu phố, ấp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 5015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh dự toán chi thường xuyên năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 7052/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 8 giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024,

Theo đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 8 tại Tờ trình số 1076/TTr-TCKH ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc ban hành Quyết định điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các cơ quan, đơn vị số tiền **134.354.000.000 đồng** (Một trăm ba mươi bốn tỷ ba trăm năm mươi bốn triệu đồng), cụ thể:

- Điều chỉnh tăng dự toán phần chênh lệch lương do tăng mức lương cơ sở (theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ): 60.255.000.000 đồng.

- Điều chỉnh tăng dự toán bố trí quỹ tiền thưởng (theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ): 14.948.000.000 đồng.

- Điều chỉnh tăng dự toán kinh phí thực hiện khoán quỹ phụ cấp của người hoạt động không chuyên trách ở khu phố theo các Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2024 và Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng ngân sách Thành phố (phần chênh lệch lương do tăng mức lương cơ sở): 5.955.000.000 đồng.

- Điều chỉnh tăng dự toán chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố do tăng mức lương cơ sở: 53.196.000.000 đồng.

Giá trị dự toán nêu trên chỉ làm cơ sở để Ủy ban nhân dân Quận 8 bổ sung dự toán cho các cơ quan, đơn vị, không làm cơ sở để thực hiện thanh, quyết toán kinh phí.

* Đính kèm:

- + Phụ lục 1: Điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 (Khối hành chính, sự nghiệp).

- + Phụ lục 2: Điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 (Khối phường).

Nguồn chi: Nguồn cải cách tiền lương ngân sách Thành phố năm 2024.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm:

- Xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ và Thông tư số 62/2024/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Bộ Tài chính.

- Quản lý, trích lập, sử dụng nguồn cải cách tiền lương theo đúng quy định Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Quản lý, sử dụng quỹ tiền thưởng theo đúng quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ, theo đúng hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền và các quy định của pháp luật có liên quan. Đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2025, trường hợp không sử dụng hết quỹ tiền thưởng của năm thì không được chuyển nguồn vào quỹ tiền thưởng của năm sau theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ.

- Ban hành Quy chế cụ thể để thực hiện chế độ tiền thưởng áp dụng đối với các đối tượng trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị và thực hiện công khai trong cơ quan, đơn vị theo đúng quy định của Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ.

2. Đề nghị Kho bạc Nhà nước Quận 8:

Căn cứ hướng dẫn của Kho bạc Nhà nước Thành phố, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị việc hạch toán, kế toán ngân sách đối với chính sách chế độ tiền thưởng theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ và việc tổ chức thực hiện, thanh quyết toán kinh phí đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 8, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 8, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quận 8, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Tài chính (để báo cáo);
- TT.UBND Quận 8 (để biết);
- VP (C, PCVP, Nghĩa);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Võ Thành Khả

PHỤ LỤC 1
ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(KHÔI HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5523/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Quận 8)

ĐVT: đồng

TT	Đơn vị	Điều chỉnh tăng dự toán			Tổng cộng
		Điều chỉnh tăng dự toán do tăng lương cơ sở	Điều chỉnh dự toán quỹ tiền thưởng	Điều chỉnh tăng dự toán chi thu nhập tăng thêm do tăng lương cơ sở	
A	B	1	2	3	4=1+2+3
	Tổng cộng	53.199.000.000	12.958.000.000	46.303.000.000	112.460.000.000
I	Sự nghiệp Kinh tế	0	0	48.000.000	48.000.000
	Ban Quản lý chợ Phạm Thế Hiển	0	0	48.000.000	48.000.000
II	Sự nghiệp Giáo dục	43.634.000.000	10.685.000.000	37.756.000.000	92.075.000.000
a	Giáo dục	43.172.000.000	10.565.000.000	37.328.000.000	91.065.000.000
	-Giáo dục Mầm non	10.957.000.000	2.622.000.000	9.328.000.000	22.907.000.000
1	Trường Mầm non Vườn Hồng	773.000.000	190.000.000	671.000.000	1.634.000.000
2	Trường Mầm non Việt Nhi	670.000.000	162.000.000	573.000.000	1.405.000.000
3	Trường Mầm non Bình Minh	394.000.000	95.000.000	341.000.000	830.000.000
4	Trường Mầm non Tuổi Hoa	568.000.000	141.000.000	503.000.000	1.212.000.000
5	Trường Mầm non Tuổi Thơ	916.000.000	219.000.000	779.000.000	1.914.000.000
6	Trường Mầm non 19/5	1.103.000.000	263.000.000	931.000.000	2.297.000.000
7	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	946.000.000	229.000.000	805.000.000	1.980.000.000
8	Trường Mầm non Thỏ Ngọc	640.000.000	157.000.000	557.000.000	1.354.000.000
9	Trường Mầm non Vành Khuyên	480.000.000	115.000.000	411.000.000	1.006.000.000
10	Trường Mầm non Vàng Anh	540.000.000	130.000.000	467.000.000	1.137.000.000
11	Trường Mầm non Nắng Mai	401.000.000	99.000.000	353.000.000	853.000.000
12	Trường Mầm non Sơn Ca	438.000.000	108.000.000	383.000.000	929.000.000
13	Trường Mầm non Hòa Mi	547.000.000	97.000.000	352.000.000	996.000.000
14	Trường Mầm non Kim Đồng	460.000.000	113.000.000	402.000.000	975.000.000
15	Trường Mầm non Bông Hồng	459.000.000	111.000.000	397.000.000	967.000.000
16	Trường Mầm non Bé Ngoan	432.000.000	103.000.000	373.000.000	908.000.000
17	Trường Mầm non Hoa Phượng	520.000.000	126.000.000	453.000.000	1.099.000.000
18	Trường Mầm non Bông Sen	670.000.000	164.000.000	577.000.000	1.411.000.000
	-Giáo dục Tiểu học	18.259.000.000	4.329.000.000	15.299.000.000	37.887.000.000
1	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	548.000.000	125.000.000	441.000.000	1.114.000.000
2	Trường Tiểu học Rạch Ông	612.000.000	146.000.000	514.000.000	1.272.000.000
3	Trường Tiểu học Âu Dương Lân	1.454.000.000	346.000.000	1.218.000.000	3.018.000.000
4	Trường Tiểu học Vàm Cỏ Đồng	660.000.000	161.000.000	568.000.000	1.389.000.000
5	Trường Tiểu học Thái Hưng	722.000.000	164.000.000	576.000.000	1.462.000.000
6	Trường Tiểu học Hoàng Minh Đạo	944.000.000	229.000.000	808.000.000	1.981.000.000
7	Trường Tiểu học Bông Sao	1.612.000.000	377.000.000	1.329.000.000	3.318.000.000
8	Trường Tiểu học Phan Đăng Lưu	679.000.000	164.000.000	583.000.000	1.426.000.000
9	Trường Tiểu học Bùi Minh Trục	801.000.000	200.000.000	711.000.000	1.712.000.000
10	Trường Tiểu học Nguyễn Trung Ngạn	900.000.000	222.000.000	791.000.000	1.913.000.000
11	Trường Tiểu học An Phong	809.000.000	203.000.000	716.000.000	1.728.000.000
12	Trường Tiểu học Trần Danh Lâm	769.000.000	188.000.000	670.000.000	1.627.000.000
13	Trường Tiểu học Lý Nhân Tông	650.000.000	153.000.000	541.000.000	1.344.000.000

TT	Đơn vị	Điều chỉnh tăng dự toán			Tổng cộng *
		Điều chỉnh tăng dự toán do tăng lương cơ sở	Điều chỉnh dự toán quỹ tiền thưởng	Điều chỉnh tăng dự toán chi thu nhập tăng thêm do tăng lương cơ sở	
A	B	1	2	3	4=1+2+3
14	Trường Tiểu học Hưng Phú	823.000.000	193.000.000	679.000.000	1.695.000.000
15	Trường Tiểu học Lý Thái Tổ	565.000.000	138.000.000	489.000.000	1.192.000.000
16	Trường Tiểu học Tuy Lý Vương	1.053.000.000	244.000.000	859.000.000	2.156.000.000
17	Trường Tiểu học Trần Nguyên Hãn	1.140.000.000	262.000.000	926.000.000	2.328.000.000
18	Trường Tiểu học Hồng Đức	566.000.000	131.000.000	463.000.000	1.160.000.000
19	Trường Tiểu học Nguyễn Nhược Thị	929.000.000	213.000.000	753.000.000	1.895.000.000
20	Trường Tiểu học Lưu Hữu Phước	624.000.000	152.000.000	539.000.000	1.315.000.000
21	Trường Tiểu học Nguyễn Công Trứ	1.032.000.000	247.000.000	872.000.000	2.151.000.000
22	Trường Hy Vọng Quận 8	367.000.000	71.000.000	253.000.000	691.000.000
	- Giáo dục Trung học cơ sở	13.956.000.000	3.614.000.000	12.701.000.000	30.271.000.000
1	Trường THCS Dương Bá Trạc	1.178.000.000	305.000.000	1.075.000.000	2.558.000.000
2	Trường THCS Khánh Bình	761.000.000	193.000.000	682.000.000	1.636.000.000
3	Trường THCS Chánh Hưng	1.910.000.000	537.000.000	1.879.000.000	4.326.000.000
4	Trường THCS Sương Nguyệt Anh	1.100.000.000	282.000.000	991.000.000	2.373.000.000
5	Trường THCS Phan Đăng Lưu	769.000.000	194.000.000	683.000.000	1.646.000.000
6	Trường THCS Bình An	1.146.000.000	284.000.000	1.001.000.000	2.431.000.000
12	Trường THCS Phú Lợi	662.000.000	166.000.000	586.000.000	1.414.000.000
7	Trường THCS Trần Danh Ninh	650.000.000	173.000.000	606.000.000	1.429.000.000
8	Trường THCS Lý Thánh Tông	1.198.000.000	357.000.000	1.253.000.000	2.808.000.000
9	Trường THCS Tùng Thiện Vương	1.841.000.000	460.000.000	1.616.000.000	3.917.000.000
10	Trường THCS Lê Lai	1.423.000.000	354.000.000	1.244.000.000	3.021.000.000
11	Trường THCS Bình Đông	1.318.000.000	309.000.000	1.085.000.000	2.712.000.000
b	Đào tạo, khác	462.000.000	120.000.000	428.000.000	1.010.000.000
1	Trung tâm GD nghề nghiệp-GD thường xuyên	462.000.000	120.000.000	428.000.000	1.010.000.000
III	Sự nghiệp Y tế	4.943.000.000	937.000.000	3.603.000.000	9.483.000.000
1	Trung tâm Y tế	4.943.000.000	937.000.000	3.603.000.000	9.483.000.000
IV	Sự nghiệp Văn hóa thông tin	402.000.000	137.000.000	487.000.000	1.026.000.000
1	Trung tâm Văn hóa-Thể thao	340.000.000	116.000.000	412.000.000	868.000.000
2	Nhà thiếu nhi	62.000.000	21.000.000	75.000.000	158.000.000
V	Quản lý nhà nước (khối quận)	3.566.000.000	1.032.000.000	3.991.000.000	8.589.000.000
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 8	545.000.000	153.000.000	563.000.000	1.261.000.000
2	Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 8	350.000.000	101.000.000	635.000.000	1.086.000.000
3	Phòng Kinh tế Quận 8	135.000.000	37.000.000	277.000.000	449.000.000
4	Phòng Quản lý đô thị Quận 8	797.000.000	272.000.000	655.000.000	1.724.000.000
5	Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 8	325.000.000	94.000.000	335.000.000	754.000.000
6	Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8	168.000.000	43.000.000	173.000.000	384.000.000
7	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 8	240.000.000	69.000.000	390.000.000	699.000.000
8	Phòng Tư pháp Quận 8	158.000.000	45.000.000	158.000.000	361.000.000
9	Thanh tra Quận 8	165.000.000	46.000.000	175.000.000	386.000.000
10	Phòng Nội vụ Quận 8	311.000.000	66.000.000	234.000.000	611.000.000
11	Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8	232.000.000	67.000.000	239.000.000	538.000.000
12	Phòng Y tế Quận 8	140.000.000	39.000.000	157.000.000	336.000.000

TT	Đơn vị	Điều chỉnh tăng dự toán			Tổng cộng
		Điều chỉnh tăng dự toán do tăng lương cơ sở	Điều chỉnh dự toán quỹ tiền thưởng	Điều chỉnh tăng dự toán chi thu nhập tăng thêm do tăng lương cơ sở	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=1+2+3</i>
VI	Đoàn thể (Khối quận)	654.000.000	167.000.000	418.000.000	1.239.000.000
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Quận 8	190.000.000	44.000.000	98.000.000	332.000.000
2	Quận Đoàn 8	124.000.000	30.000.000	120.000.000	274.000.000
3	Hội Liên hiệp Phụ nữ Quận 8	145.000.000	38.000.000	100.000.000	283.000.000
4	Hội Cựu chiến binh Quận 8	70.000.000	19.000.000	100.000.000	189.000.000
5	Hội Chữ thập đỏ Quận 8	125.000.000	36.000.000	0	161.000.000



Số: 196 /QĐ-CH

Quận 8, ngày 15 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về công khai dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024
(điều chỉnh) của Trường Trung học cơ sở Chánh Hưng**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS CHÁNH HƯNG

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC hướng dẫn công khai Ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1361/QĐ/UB ngày 17 tháng 4 năm 1996 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc thành lập Trường Trung học cơ sở Chánh Hưng;

Căn cứ Quyết định số 5523/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 (điều chỉnh) của Trường Trung học cơ sở Chánh Hưng (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ phận kế toán, Tổ trưởng các Tổ chuyên môn và các cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng TC-KH Q8;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Thị Ngọc Dung

*Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC
ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính*

Đơn vị: **TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ CHÁNH HƯNG**

Chương: 622

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

*(Kèm theo Quyết định số 196/QĐ-CH ngày 15/11/2024 của Trường THCS Chánh Hưng
việc công khai điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024)*

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.326,000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	4.326,000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.910,000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.416,000

** Đính kèm biểu công khai dự toán chi tiết*

Lập biểu

Lưu Thị Thu Thủy

Quận 8, ngày 15 tháng 11 năm 2024



Đồng Thị Ngọc Dung

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024 (BỔ SUNG)
(Theo Quyết định số 5523/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND Quận 8)

Loại 070 Khoản 073 Nguồn: 12 TK: 9527.2.1073093

ĐVT: 1.000 đồng

Mục	Tiêu mục	NỘI DUNG	Cách tính	Số tiền
A	B	1	2	3
		Tổng số		537.000
		<u>Thanh toán cá nhân</u>		537.000
6200		TIỀN THƯỜNG		537.000
	6249	Khác	Quỹ tiền thưởng theo ND số 73/2024	537.000

Phụ trách kế toán

Lưu Thị Thu Thủy

Quận 8, ngày 15 tháng 11 năm 2024



THƯỜNG TRƯỞNG

Đồng Thị Ngọc Dung

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024 (BỔ SUNG)
(Theo Quyết định số 5523/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND Quận 8)

Loại 070 Khoản 073 Nguồn: 13 TK: 9523.2.1073093

ĐVT: 1.000 đồng

Mục	Tiêu mục	NỘI DUNG	Cách tính	Số tiền
A	B	1	2	3
		Tổng số		1.910.000
		Thanh toán cá nhân		1.910.000
6000		TIỀN LƯƠNG		1.214.078
	6001	Lương theo ngạch, bậc	Hệ số lương x 540.000đ x 6 tháng	1.214.078
6100		PHỤ CẤP LƯƠNG		362.890
	6101	Phụ cấp chức vụ	Hệ số PCCV x 540.000đ x 6 tháng	12.798
	6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	Hệ số lương x 540.000đ x tỷ lệ PCƯĐ x 6 tháng	156.248
	6113	Phụ cấp trách nhiệm	Hệ số PCTN x 540.000đ x 6 tháng	3.564
	6115	Phụ cấp thâm niên nghề	Hệ số lương x 540.000đ x tỷ lệ PC TNNG x 6 tháng	190.279
6300		CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP		333.032
	6301	Bảo hiểm xã hội	TQL x 17%	240.916
	6302	Bảo hiểm y tế	TQL x 3%	42.515
	6303	Kinh phí công đoàn	TQL x 2%	28.343
	6304	Bảo hiểm thất nghiệp	TQL x 1%	14.172
	6349	Khác	TQL x 0,5%	7.086

Phụ trách kế toán

Lưu Thị Thu Thủy

Quận 8, ngày 15 tháng 11 năm 2024

BIÊN TRƯỞNG



Đồng Thị Ngọc Dung

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024 (BỔ SUNG)
(Theo Quyết định số 5523/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND Quận 8)

Loại 070 Khoản 073 Nguồn: 14 TK: 9527.2.1073093

ĐVT: 1.000 đồng

Mục	Tiểu mục	NỘI DUNG	Cách tính	Số tiền
A	B	1	2	3
		Tổng số		1.879.000
		Thanh toán cá nhân		1.879.000
6400		CÁC KHOẢN THANH TOÁN KHÁC CHO CÁ NHÂN		1.879.000
	6449	Chi khác	Chi CNTT theo NQ98/2023/QH15 và NQ08/2023/NQ-HDND	1.879.000

Phụ trách kế toán

Lưu Thị Thu Thủy

Quận 8, ngày 15 tháng 11 năm 2024



Đồng Thị Ngọc Dung